

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Chị Nguyễn Phạm Huỳnh Nh, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2020, bản khai nguyên đơn Anh Trần Văn N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Phạm Huỳnh Nh tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/01/2018. Sau khi kết hôn anh chị chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã xảy ra mâu thuẫn. Anh và chị Nh đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng nên anh không còn tình cảm với chị Nh và không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa nên xin được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Giữa anh và chị Nh không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Phạm Huỳnh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N và chị Nh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh N và chị Nh tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/01/2018. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh N cho rằng sau khi kết hôn, sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã phân tích, động viên nhưng anh N khẳng định anh đã không còn tình cảm với chị Nh nên xin được ly hôn. Xét thấy, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...”. Đối chiếu với quy định trên thì giữa anh N và chị Nh đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Đối với chị Nh, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho chị Nh nhưng chị vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị. Qua đó cũng thể hiện việc chị Nh không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị Nh đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

[3] Về con chung: Giữa anh N và chị Nh không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn N. Anh N được ly hôn với chị Nguyễn Phạm Huỳnh Nh.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Văn N phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

(Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0011325 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Anh N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã P,
huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm

